

**Kính gửi: Các nhà cung cấp hóa chất tại Việt Nam**

Khoa Hóa sinh thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá đề xuất nhu cầu dịch vụ làm cơ sở mua hóa chất, vật tư năm 2026 của khoa Hóa sinh với nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Khoa Hóa sinh thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh, Địa chỉ: Phố Hải Phúc, Phường Hồng Hải, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: KS. Phạm Thị Mỹ Ngân – Nhân viên Khoa Hóa sinh, số điện thoại: 034.9563.758, email: phamngan189@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Báo giá gửi bản scan (theo mẫu và nội dung theo phụ lục II) về địa chỉ email: khoaahosinhksbttqn@gmail.com, đồng thời văn bản giấy được ký, đóng dấu hợp pháp gửi qua đường công văn về địa chỉ tiếp nhận: Khoa Hóa sinh – Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 24 tháng 11 năm 2025 đến ngày 30 tháng 11 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày phát hành báo giá.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá**

Kính mời Các nhà cung cấp quan tâm, có khả năng cung cấp dịch vụ với nội dung chi tiết tại phụ lục I của công văn này.

Khoa Hóa sinh thuộc Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Quảng Ninh rất mong nhận được phản hồi thông tin từ quý công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban giám đốc (để báo cáo)
- TCHC (để đăng tải);
- TCKT, Dược-VTTYT;
- Lưu: Hóa sinh.

**TRƯỞNG KHOA**

**Hoàng Thị Phượng**

**PHỤ LỤC I**  
**Danh mục hóa chất, vật tư cho khoa Hóa sinh năm 2026**  
*(Kèm theo công văn ngày 24/11/2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh)*

| STT | Tên hoá chất, hóa chất, vật tư                                                                                                                                                                                      | Đặc tính kỹ thuật chính                | Quy cách đóng gói | ĐVT | Đại điểm thực hiện dịch vụ                               |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------|-----|----------------------------------------------------------|
| 1   | Chất chuẩn nhóm hợp chất hữu cơ acetonitrile gồm 03 thành phần nồng độ 100 µg/mL cho mỗi thành phần bao gồm: Dibromoacetonitrile; Dichloroacetonitrile; Trichloroacetonitrile trong Methanol                        | Phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17034 | 1mL/<br>Hộp       | Hộp | Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh |
| 2   | Chất chuẩn nhóm hợp chất hữu cơ acid acetic gồm 03 thành phần nồng độ 100 µg/mL cho mỗi thành phần bao gồm: Monochloroacetic acid; Dichloroacetic Acid; Trichloroacetic acid trong Methanol.                        | Phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17034 | 1mL/Lọ            | Lọ  | Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh |
| 3   | Chất chuẩn nhóm 09 chất thuốc bảo vệ thực vật nồng độ 100 µg/mL cho mỗi thành phần bao gồm: Alachlor; Atrazine; Simazine; Molinate, Trifluralin; Pendimethalin; Chlortoluron; Cyanazine; Isoproturon trong Methanol | Phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17034 | 1mL/<br>Hộp       | Hộp | Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh |

| STT | Tên hoá chất, hóa chất, vật tư                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Đặc tính kỹ thuật chính                                             | Quy cách đóng gói | ĐVT | Đại điểm thực hiện dịch vụ                               |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------|-----|----------------------------------------------------------|
| 4   | Bộ chuẩn gồm 16 thành phần thuốc BVTV nồng độ 10 µg/mL mỗi thành phần bao gồm: alpha-HCH; Hexachlorobenzene; beta-HCH; gamma-HCH; Heptachlor; Aldrin; trans-Heptachlor-endo-epoxide (isomer A), alpha-Endosulfan; 4,4'-DDE; Dieldrin; Endrin; beta-Endosulfan; 4,4'-DDD; 2,4'-DDT; 4,4'-DDT, Methoxychlor in Cyclohexane | Phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17034                              | 1mL/Lọ            | Lọ  | Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh |
| 5   | Nội chuẩn 1,1-Dichloro-2,2-bis(4-chlorophenyl-d4)ethane                                                                                                                                                                                                                                                                  | Chất nội chuẩn 1,1-Dichloro-2,2-bis(4-chlorophenyl-d4)ethane, 98% D | 0,01g/Lọ          | Lọ  | Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh |
| 6   | Bộ chuẩn hỗn hợp Phenol và các dẫn xuất của phenol gồm các thành phần nồng độ 100 µg/ml cho mỗi thành phần bao gồm: 4-Chloro-3-methylphenol; 2-Chlorophenol; 2,4-Dichlorophenol; 2,4-Dimethylphenol; 2,4-Dinitrophenol; 2-Methyl-4,6-dinitrophenol; 2-Nitrophenol; 4-Nitrophenol;                                        | Phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17034                              | 1mL/Lọ            | Lọ  | Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh |

| STT | Tên hoá chất, hóa chất, vật tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Đặc tính kỹ thuật chính     | Quy cách đóng gói | ĐVT | Đại điểm thực hiện dịch vụ                               |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------|-----|----------------------------------------------------------|
|     | Pentachlorophenol; Phenol; 2,4,6-Trichlorophenol trong Acetonitrile                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                             |                   |     |                                                          |
| 7   | Bộ chuẩn hỗn hợp VOC nhiều thành phần, mỗi thành phần nồng độ 2000 µg/mL bao gồm:<br>Dichlorodifluoromethane;<br>Chloromethane; Vinyl Chloride;<br>Bromomethane;<br>Chloroethane;<br>Trichlorofluoromethane; 1,1-dichloroethylene; Carbon Disulfide;<br>Methylene Chloride; Methyl T-butyl Ether; Trans-1,2-dichloroethylene;<br>1,1-dichloroethane; Cis-1,2-dichloroethylene; 2,2-dichloropropane;<br>Bromochloromethane; Chloroform;<br>1,1,1-trichloroethane; 1,1-dichloropropylene;<br>Carbon Tetrachloride; Benzene;<br>Dibromochloromethane; 1,2-dibromoethane; Chlorobenzene;<br>Ethylbenzene; 1,1,1,2-tetrachloroethane; M-xylene; P-xylene; O-xylene; Styrene; | Nồng độ các chất 2000 µg/mL | Lọ 1,3ml          | Lọ  | Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh |

| STT | Tên hoá chất, hóa chất, vật tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Đặc tính kỹ thuật chính | Quy cách đóng gói | ĐVT | Đại điểm thực hiện dịch vụ |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------|-----|----------------------------|
|     | Bromoform; Isopropylbenzene;<br>1,1,2,2-tetrachloroethane; 1,2,3-trichloropropane; Bromobenzene;<br>N-propylbenzene; 2-chlorotoluene;<br>1,3,5-trimethylbenzene; 4-chlorotoluene; Tert-butylbenzene;<br>1,2,4-trimethylbenzene; Sec-butylbenzene; Tetrachloroethylene;<br>1,3-dichloropropane; 4-isopropyltoluene; 1,3-dichlorobenzene; 1,4-dichlorobenzene; N-butylbenzene;<br>1,2-dichlorobenzene;<br>1,2-dichloroethane;<br>Trichloroethylene; 1,2-dichloropropane;<br>Dibromomethane;<br>Bromodichloromethane; Cis-1,3-dichloropropylene; Toluene; Trans-1,3-dichloropropylene; 1,1,2-trichloroethane; 1,2-dibromo-3-chloropropane; 1,2,4-trichlorobenzene;<br>Hexachlorobutadiene; Naphthalene;<br>1,2,3-trichlorobenzene; |                         |                   |     |                            |

| STT | Tên hoá chất, hóa chất, vật tư                                                                                                                                                        | Đặc tính kỹ thuật chính                                            | Quy cách đóng gói | ĐVT  | Đại điểm thực hiện dịch vụ                               |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-------------------|------|----------------------------------------------------------|
|     | Isobutylbenzene;<br>Carbon tetrabromide; Azobenzene                                                                                                                                   |                                                                    |                   |      |                                                          |
| 8   | Nội chuẩn chạy máy cho phân tích các chỉ tiêu VOC bao gồm fluorobenzene, chlorobenzene-d5, and 1,4-dichlorobenzene-d4                                                                 | Nội chuẩn nồng độ 2500 mg/ml trong Methanol                        | 1mL/lọ            | Lọ   | Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh |
| 9   | Bộ chuẩn thuốc trừ sâu 07 thành phần nồng độ 10 µg/mL mỗi thành phần bao gồm Cyfluthrin; Cypermethrin; Deltamethrin; Fenvalerate; Permethrin; Phenothrin; Tetramethrin in Cyclohexane | Nồng độ 10 µg/mL<br>Phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17037         | Lọ 10ml           | Lọ   | Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh |
| 10  | Dung dịch chuẩn hỗn hợp 06 chất nồng độ mỗi chất: 100µg/mL bao gồm: 2,4D; MCPA; Dichlorprop; Mecoprop; 2,4-DB; Fenoprop                                                               | Nồng độ 100µg/mL trong Acetone                                     | 1mL/hộp           | Lọ   | Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh |
| 11  | Dung dịch chuẩn Bromate (BrO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) 1000µg/L                                                                                                                     | Nồng độ 1000µg/L<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17034, ISO 17025. | 100mL/<br>Chai    | Chai | Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh |
| 12  | Dung dịch chuẩn Acrylamide. Nồng độ 100µg/mL                                                                                                                                          | Nồng độ 100µg/mL<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17034, ISO 17025, | 1mL/lọ            | Lọ   | Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh |

| STT | Tên hoá chất, hóa chất, vật tư                                                           | Đặc tính kỹ thuật chính                                            | Quy cách đóng gói | ĐVT | Đại điểm thực hiện dịch vụ                               |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-------------------|-----|----------------------------------------------------------|
| 13  | Dung dịch chuẩn Epichlorhydrin. Nồng độ 100µg/mL                                         | Nồng độ 100µg/mL<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17034, ISO 17025, | 1mL/lọ            | Lọ  | Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh |
| 14  | Dung dịch chuẩn Propanil. Nồng độ 100µg/mL                                               | Nồng độ 100µg/mL<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17034, ISO 17025, | 1mL/lọ            | Lọ  | Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh |
| 15  | Dung dịch chuẩn Formaldehyde. Nồng độ 100µg/mL                                           | Nồng độ 100µg/mL<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17034, ISO 17025, | 1mL/lọ            | Lọ  | Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh |
| 16  | Dung dịch chuẩn Clodane. Nồng độ 100µg/mL                                                | Nồng độ 100µg/mL<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17034, ISO 17025, | 1mL/lọ            | Lọ  | Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh |
| 17  | Dung dịch chuẩn Hydroxyatrazinre. Nồng độ 100µg/mL                                       | Nồng độ 100µg/mL<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17034, ISO 17025, | 1mL/lọ            | Lọ  | Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh |
| 18  | Dung dịch chuẩn Fluoride. Nồng độ 1000mg/L                                               | Nồng độ 1000mg/L<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17034, ISO 17025, | 100mL/Lọ          | Lọ  | Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh |
| 19  | Dung dịch chuẩn hỗn hợp 02 chất: nồng độ 100µg/mL mỗi chất bao gồm Carbofuran, Aldicarb, | Nồng độ 100µg/mL<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17034, ISO 17025, | 1mL/lọ            | Lọ  | Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh |

| STT | Tên hoá chất, hóa chất, vật tư | Đặc tính kỹ thuật chính                                                 | Quy cách đóng gói | ĐVT | Đại điểm thực hiện dịch vụ                               |
|-----|--------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----|----------------------------------------------------------|
| 20  | Ống chuẩn Oxalic 0.1N          | Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương                         | 1 Ống/hộp         | Ống | Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh |
| 21  | Ống chuẩn NaOH 0.1N            | Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương                         | 1 Ống/hộp         | Ống | Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh |
| 22  | Ống chuẩn Trilon B 0.1N        | $c(\text{Na}_2\text{-EDTA } 2 \text{ H}_2\text{O}) = 0.1 \text{ mol/l}$ | 1 Ống/hộp         | Ống | Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh |
| 23  | MgO                            | Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn EU hoặc tương đương.                        | 100g/hộp          | Hộp | Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh |
| 24  | Chuẩn Potassium Sorbate        | Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 17034, ISO 17025.                     | 1g/lọ             | Lọ  |                                                          |
| 25  | Chuẩn Sodium benzoate          | Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 17034, ISO 17025.                     | 1g/lọ             | Lọ  | Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh |
| 26  | Chuẩn Chloramphenicol          | Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 17034, ISO 17025.                     | 1g/lọ             | Lọ  | Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh |

| STT | Tên hoá chất, hóa chất, vật tư                                            | Đặc tính kỹ thuật chính                                                                 | Quy cách đóng gói | ĐVT | Đại điểm thực hiện dịch vụ                               |
|-----|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----|----------------------------------------------------------|
| 27  | Chuẩn Aflatoxin Total in Acetonitrile                                     | Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 17034, ISO 17025.                                     | 5,2mL/lọ          | Lọ  | Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh |
| 28  | Đầu tip trắng 5mL, tip-5000B                                              | Đầu tip trắng 5mL, tip-5000B<br>Hãng sản xuất: Finetech – Đài Loan<br>Xuất xứ: Việt Nam | 100 cái/gói       | Gói | Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh |
| 29  | Sulfanilamide ( $\text{NH}_2\text{C}_6\text{H}_4\text{SO}_2\text{NH}_2$ ) | Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương                                         | 500 mL/hộp        | Hộp | Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh |
| 30  | N-(1- naphthyl)-ethylenediamine dihydrochloride                           | Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương                                         | 500 mL/hộp        | Hộp | Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh |
| 31  | $\text{MgCl}_2 \cdot 6\text{H}_2\text{O}$                                 | Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương                                         | 100g/hộp          | Hộp | Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh |
| 32  | $\text{KNO}_3$                                                            | Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương                                         | 50g/hộp           | Hộp | Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh |
| 33  | Sắt III Clorua ( $\text{Fe}_3\text{Cl} \cdot 6\text{H}_2\text{O}$ ).      | Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương                                         | 250g/hộp          | Hộp | Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh |

| STT | Tên hoá chất, hóa chất, vật tư                | Đặc tính kỹ thuật chính                                               | Quy cách đóng gói | ĐVT  | Đại điểm thực hiện dịch vụ                                     |
|-----|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------|------|----------------------------------------------------------------|
| 34  | Ống chuẩn HCl 0.1N                            | Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn<br>Eu hoặc tương đương                    | 1 Ống/hộp         | Hộp  | Tại địa chỉ Trung tâm<br>Kiểm soát bệnh tật tỉnh<br>Quảng Ninh |
| 35  | Ống chuẩn H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> 0.1N | Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn<br>Eu hoặc tương đương                    | 1 Ống/hộp         | Hộp  | Tại địa chỉ Trung tâm<br>Kiểm soát bệnh tật tỉnh<br>Quảng Ninh |
| 36  | Bromocresol green                             | Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn<br>Eu hoặc tương đương                    | 100g/hộp          | Hộp  | Tại địa chỉ Trung tâm<br>Kiểm soát bệnh tật tỉnh<br>Quảng Ninh |
| 37  | Ống chuẩn KIO <sub>3</sub> 0,1mol/L           | Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn<br>Eu hoặc tương đương                    | 1 Ống/hộp         | Hộp  | Tại địa chỉ Trung tâm<br>Kiểm soát bệnh tật tỉnh<br>Quảng Ninh |
| 38  | Natrihydrosunfit NaHSO <sub>3</sub>           | Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn<br>Eu hoặc tương đương                    | 500ml/chai        | Chai | Tại địa chỉ Trung tâm<br>Kiểm soát bệnh tật tỉnh<br>Quảng Ninh |
| 39  | Dung dịch chuẩn<br>Kalipermanngannate 0,1N    | Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn<br>Eu hoặc tương đương                    | 1000ml/chai       | Chai | Tại địa chỉ Trung tâm<br>Kiểm soát bệnh tật tỉnh<br>Quảng Ninh |
| 40  | Chuẩn NO <sub>3</sub>                         | Nồng độ 1000mg/L<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO<br>17034, ISO 17025, | 500mL/Chai        | Chai | Tại địa chỉ Trung tâm<br>Kiểm soát bệnh tật tỉnh<br>Quảng Ninh |

| STT | Tên hoá chất, hóa chất, vật tư                                                  | Đặc tính kỹ thuật chính                                            | Quy cách đóng gói | ĐVT  | Đại điểm thực hiện dịch vụ                               |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-------------------|------|----------------------------------------------------------|
| 41  | Chuẩn PO4                                                                       | Nồng độ 1000mg/L<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17034, ISO 17025, | 500mL/Chai        | Chai | Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh |
| 42  | 1,8-dihydro-2-(4-sulfophenylazo)-naphthalene-3,6-disulfonic acid trisodium salt | Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương                    | 25g/hộp           | Hộp  | Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh |

## PHỤ LỤC II

### Mẫu báo giá

(Kèm theo công văn ngày 24/11/2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh)

### BÁO GIÁ

**Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cung cấp hóa chất, vật tư như sau:

1. Báo giá cung cấp dịch vụ hóa chất, vật tư.

| STT          | Tên hoá chất, hóa chất, vật tư | Đặc tính kỹ thuật chính | Quy cách đóng gói | Đơn giá | Thành tiền |
|--------------|--------------------------------|-------------------------|-------------------|---------|------------|
| 1            |                                |                         |                   |         |            |
| 2            |                                |                         |                   |         |            |
| ...          |                                |                         |                   |         |            |
| <b>Tổng:</b> |                                |                         |                   |         |            |

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm...[ghi ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá]. Giá trên đã bao gồm thuế và chi phí liên quan (nếu có)

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp<sup>(2)</sup>**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

**Ghi chú:**

(1) Nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp

*yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.*

*(2) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.*

*Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.*